

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC MÔN GDKT&PL
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025-2026

STT	Lớp	Giáo viên dạy	Số	Kết quả kiểm tra học kỳ 1											Điểm trung bình môn học học kỳ 1										HS không có KQĐG			
				Tổng số điểm KT	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Đạt trở lên		Điểm trung bình lớp	Tổng số điểm KT	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt			Đạt trở lên		Điểm trung bình lớp
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	
1	10D	Phạm Thị Mến	42	42	29	69.05	9	21.43	4	9.52			42	100	8.27	42	28	66.67	12	28.57	2	4.76			42	100	8.08	
2	10E	Phạm Thị Mến	42	42	34	80.95	5	11.9	2	4.76	1	2.38	41	97.62	8.57	42	28	66.67	14	33.33					42	100	8.24	
3	10G	Phạm Thị Mến	40	39	27	69.23	10	25.64	2	5.13			39	100	8.31	39	19	48.72	19	48.72	1	2.56			39	100	7.9	
4	10H	Phạm Thị Mến	42	42	26	61.9	13	30.95	3	7.14			42	100	8.18	42	17	40.48	25	59.52					42	100	7.85	
5		Khối 10	166	165	116	70.3	37	22.42	11	6.67	1	0.61	164	99.39	8.33	165	92	55.76	70	42.42	3	1.82			165	100	8.02	
6	11G	Đỗ Thị Bình	41	41	36	87.8	4	9.76	1	2.44			41	100	8.71	41	39	95.12	2	4.88					41	100	8.9	
7	11H	Đỗ Thị Bình	46	45	39	86.67	3	6.67	3	6.67			45	100	8.62	45	41	91.11	4	8.89					45	100	8.78	
8		Khối 11	87	86	75	87.21	7	8.14	4	4.65			86	100	8.66	86	80	93.02	6	6.98					86	100	8.84	
9	12D	Đỗ Thị Bình	42	42	39	92.86	2	4.76	1	2.38			42	100	8.93	42	38	90.48	4	9.52					42	100	8.75	
10	12E	Phạm Thị Mến	41	41	26	63.41	14	34.15			1	2.44	40	97.56	8.33	41	33	80.49	7	17.07	1	2.44			41	100	8.43	
11	12G	Đỗ Thị Bình	43	43	29	67.44	11	25.58	2	4.65	1	2.33	42	97.67	8.2	43	34	79.07	9	20.93					43	100	8.4	
12	12H	Đỗ Thị Bình	43	43	40	93.02	3	6.98					43	100	9.16	43	41	95.35	2	4.65					43	100	8.95	
13		Khối 12	169	169	134	79.29	30	17.75	3	1.78	2	1.18	167	98.82	8.66	169	146	86.39	22	13.02	1	0.59			169	100	8.63	
14		Toàn trường	422	420	325	77.38	74	17.62	18	4.29	3	0.71	417	99.29	8.53	420	318	75.71	98	23.33	4	0.95			420	100	8.44	